TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG

Tuần 43, 17 - 21/10/2022

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH

"Tâm lý thận trọng chi phối khi thanh khoản duy trì mức thấp đã đẩy chỉ số giảm điểm trở lại"

Thị trường chứng khoán toàn cầu có tuần giao dịch giằng co khi cân nhắc giữa thiếu vắng thông tin hỗ trợ đủ mạnh để thúc đẩy chiều mua lên, cũng như thiếu động cơ để bán xuống giá thấp khi tâm lý bi quan chạm đáy và chỉ số đã giảm mạnh trước đó. Dữ liệu trong tuần cho thấy thị trường nhà ở tại Mỹ đang tăng trưởng chậm lại, bên cạnh là lợi xuất trái phiếu chính phủ kỳ hạn 10 năm tiếp tục thiếp lập mức cao mới trên 4.2%. Dù vậy, một báo cáo từ tờ Wall Street Journal cho thấy một số quan chức FED đang báo hiệu mong muốn sớm làm chậm tốc độ tăng lãi suất để đánh giá tác động của việc thắt chặt đối với tăng trưởng kinh tế, điều này tạo nên sự khởi sắc cho Phố wall phiên cuối tuần. Khép lại một tuần đầy biến động, Dow Jones, S&P 500 tăng lần lượt 4.9%. Chứng khoán châu Âu cũng có tuần hồi phục với Stoxx Euro 600 tăng 1.3%. Chứng khoán châu Á trái chiều giảm điểm, khi Nikkei giảm 0.9%, Shang hai cũng giảm 1.1%, còn Hang Seng rơi 2.3%.

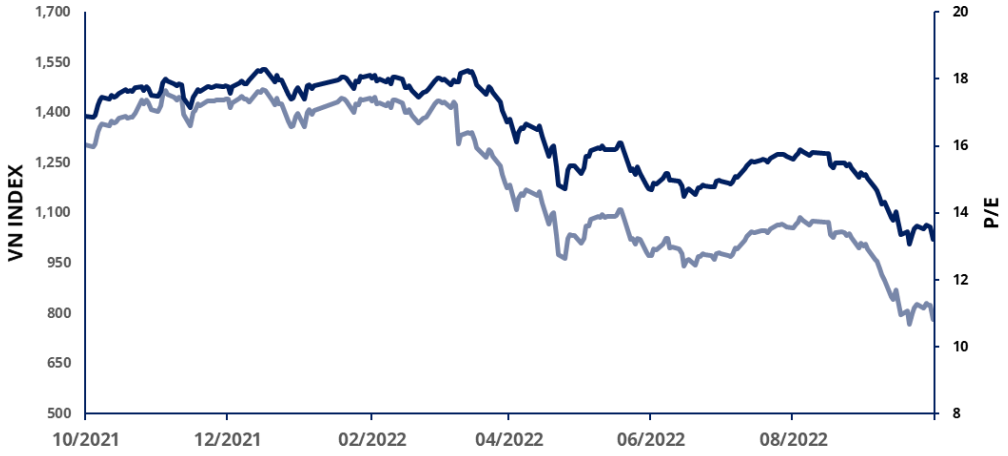
Đồng USD tiếp tục gây áp lực lên các đồng tiền khác. Trong nước, Ngân hàng Nhà nước đã nới biên độ tỷ giá USD/VND từ mức ±3% lên ±5%, dẫn đến tỷ giá leo thang liên tục sau đó và đạt mức cao. Trong bối cảnh lãi suất liên ngân hàng giảm, Ngân hàng Nhà nước cũng hút về gần 30,000 tỷ đồng thông qua kênh tín phiếu thị trường mở.

Thị trường chứng khoán Việt Nam có tuần sụt giảm mạnh khi việc đi ngang với thanh khoản thấp đẩy sự thận trọng lên cao hơn và kích hoạt lực bán. VN-Index giảm 42.03 điểm (-3.96%) về 1,020 điểm; HNX-Index cũng giảm 10.48 điểm (-4.60%) về 217 điểm. Đa số nhóm ngành chìm trong sắc đỏ, nhiều cổ phiếu rơi về mức sàn phiên cuối tuần. Nhóm Dược, y tế và Hàng tiêu dùng phân hóa, giữ lại sắc xanh cho thị trường. Nhà đầu tư cá nhân trong nước tiếp tục mua ròng trong khi nước ngoài, tổ chức bán ròng. Tâm điểm tuần sau sẽ là cuộc họp chính sách tiền tệ của các Ngân hàng trung ương lớn như ECB, BOJ và BOE, trước thềm cuộc họp của FED vào đầu tháng 11, theo đó, lộ trình nâng lãi suất cũng sẽ được hé lộ.

Góc nhìn và khuyến nghị: Sự đảo chiều đột ngột của chỉ số đẩy rủi ro giao dịch lên cao hơn, khớp lệnh cũng tăng cao ở phiên giảm điểm cho thấy lực bán chủ động. Chỉ số lần nữa lùi về cận ngưỡng hỗ trợ tâm lý quanh 1,000 điểm và khả năng sẽ kiểm định lại ngưỡng này các phiên tới. Nếu đánh mất ngưỡng 1,000 điểm, quán tính giảm sẽ tiếp tục và chỉ số có thể tìm về khu vực 940 điểm. Ở chiều tích cực, chỉ số giữ được ngưỡng 1,000 vẫn có kỳ vọng cho sóng hồi với mục tiêu 1,100 điểm. Do vậy, xu hướng hiện tại đang thiên hướng chưa rõ ràng và NĐT cần kiên nhẫn, tuân thủ kỉ luật và ưu tiên bảo toàn vốn.

Dữ liệu thị trường tuần		% Thay đổi					Định giá		
Tên chỉ số	Giá đóng cửa	1W	1M	3M	YTD	Xu hướng	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ USD)
VN-Index	1,020	-3.9	-15.2	-14.6	-31.9		10.8	1.7	165
Upcom Index	79	-1.9	-11.3	-11.6	-30.3		12.6	1.4	42
HNX Index	217	-4.6	-17.8	-24.7	-54.1		13.3	1.3	10
VN30 Index	1,011	-4.8	-16.9	-17.8	-34.2		8.5	1.6	115
S&P 500 Index	3,753	4.9	1.6	-5.3	-21.3		18.4	3.8	32,956
STOXX Europe 600 Index	396	1.3	1.5	-6.9	-18.8		13.8	1.7	10,808
Hang Seng	16,211	-2.3	-9.6	-21.3	-30.7		6.1	0.7	2,271
Nikkei 225	26,891	-0.9	-1.0	-3.7	-6.6		26.9	1.6	3,165
SHCOMP Index	3,039	-1.1	-1.6	-7.1	-16.5		13.3	1.4	5,902
STI Index	2,970	-2.2	-8.0	-6.6	-4.9		11.1	1.0	325
KOSPI Index	2,213	-0.0	-3.4	-7.5	-25.7		9.4	0.8	1,171

Biểu đồ VN Index và chỉ số P/E trong 1 năm



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

WEEKLY SNAPSHOT
Theo vốn hóa và ngành

Theo giá trị vốn hóa

Giá trị vốn hóa	% Thay đổi GTGD						% Tỷ trọng GTGD		Định giá		
	1W	1M	YTD	1W	1M	3M	Current	Change	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Large Cap	-3.8	-15.1	-28.5	-11.1	-10.7	-21.9	67.3	-0.9	10.7	1.7	3,461,190
Mid Cap	-4.2	-19.3	-36.4	-6.8	-31.6	-43.0	30.9	1.0	11.2	1.1	526,146
Small Cap	-4.2	-18.7	-46.0	-15.0	-33.6	-59.5	1.7	-0.1	11.7	0.7	77,521

Theo ngành

Tên ngành	% Thay đổi GTGD						% Tỷ trọng GTGD		Định giá		
	1W	1M	YTD	1W	1M	3M	Current	Change	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Dược và Y tế	1.9	-5.3	-20.2	-8.0	-36.8	-58.1	0.1	0.0	13.4	1.8	31,078
Hàng Tiêu dùng	-0.6	-12.6	-20.4	-4.3	-22.5	-32.4	13.0	0.8	14.4	2.4	561,163
Công nghệ Thông tin	-0.8	-11.8	-10.1	-2.6	-16.9	-33.0	1.3	0.1	16.0	2.7	94,018
Tiện ích Cộng đồng	-2.7	-8.8	7.6	-8.8	-30.0	-44.1	2.4	0.0	13.2	2.1	316,664
Công nghiệp	-2.7	-16.8	-27.9	-1.0	-31.4	-40.9	10.4	0.9	12.1	1.1	216,673
Ngân hàng	-3.5	-16.4	-31.2	-28.6	-14.9	-20.7	16.8	-4.4	7.2	1.3	1,189,316
Tài chính	-5.2	-16.5	-37.4	-12.0	-25.4	-37.9	28.6	-0.7	17.5	1.6	1,061,670
Dầu khí	-5.3	-14.9	-36.9	40.3	23.8	17.7	3.5	1.3	57.2	1.9	51,113
Dịch vụ Tiêu dùng	-5.3	-17.4	-24.2	-3.8	-12.2	-25.5	5.7	0.4	n.a	3.7	202,055
Nguyên vật liệu	-9.6	-24.4	-46.3	-0.9	-3.1	-22.8	18.0	1.6	4.8	1.1	284,714

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

WEEKLY SNAPSHOT

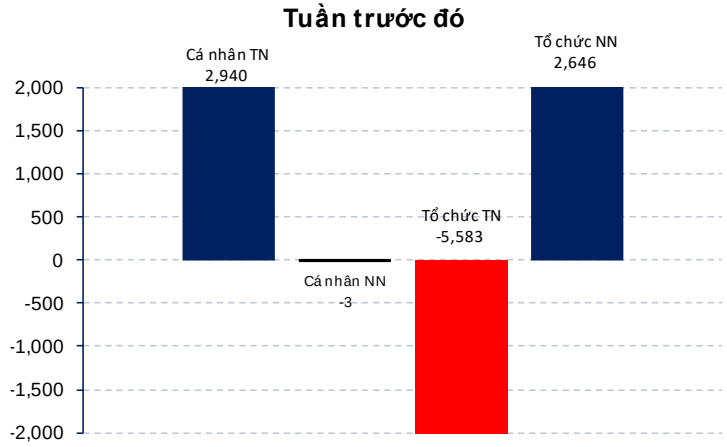
Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

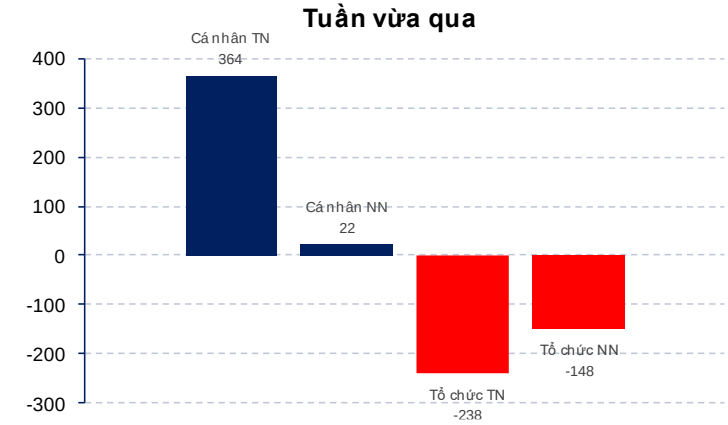
Tên ETF	Tài sản (Triệu USD)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1W	1M	3M	YTD
Tổng các quỹ ETF	**2,467**	**10.97**	**72.36**	**105.1**	**203.0**
Nước ngoài	**1,484**	**8.17**	**65.19**	**108.1**	**270.0**
VanEck Vectors Vietnam ETF	308	6.09	21.87	15.4	-0.7
Fubon FTSE Vietnam ETF	495	2.08	44.88	65.1	497.8
iShares MSCI Frontier and Select EM ETF	308	0.00	0.00	-6.7	-49.4
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	242	0.00	-0.86	36.8	-71.8
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	100	0.00	0.00	-3.2	-110.6
Premia MSCI Vietnam ETF	19	0.00	-0.70	0.5	0.1
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	3	0.00	0.00	0.0	-8.5
Asian Growth CUBS ETF	10	0.00	0.00	0.2	13.0
Trong nước	**983**	**2.80**	**7.18**	**-3.1**	**-67.0**
DCVFM VN Diamond ETF	572	0.00	0.00	0.0	-125.1
DCVFM VN30 ETF Fund	272	2.61	8.00	-11.7	0.0
SSIAM VNFIN LEAD ETF	98	0.00	-1.01	7.4	0.1
MAFN VN30 ETF	25	0.00	0.00	1.0	45.1
SSIAM VNX50 ETF	10	0.18	0.18	0.2	2.3
VinaCapital VN100 ETF	4	0.00	0.00	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	3	0.00	0.00	0.00	10.6

Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc	n.a	67,469	31,492	-85,296
Ấn độ	239	-540	-540	-23,093
Indonesia	245	395	395	5,231
Nhật Bản	2,749	12,346	12,346	-6,007
Maylaysia	-18	-192	-192	1,402
Philippines	1	-5	-5	-1,230
Hàn Quốc	212	1,150	1,150	-12,367
Sri Lanka	0	4	4	41
Đài Loan	-1,454	-2,974	-2,974	-47,542
Thái Lan	52	-106	-106	4,411
Việt Nam	-5	69	69	16

Chú thích:

-WTD: từ đầu tuần
-MTD: từ đầu tháng
-QTD: từ đầu quý
-YTD: từ đầu năm





Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Shinhan Securities

WEEKLY SNAPSHOT
Top cổ phiếu đáng chú ý

HSX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	LHG	Bất động sản	18.05 - 63.00	18.1	-16.82%
2	MDG	Xây dựng và Vật liệu	11.55 - 20.00	13.0	-16.72%
3	AMD	Bất động sản	1.28 - 10.95	1.3	-16.46%
4	SGT	Công nghệ Thông tin	11.70 - 39.20	11.7	-14.91%
5	OGC	Sản xuất nông nghiệp	6.70 - 20.50	10.0	-13.42%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
14.83%	7.9	5.56 - 18.65	Xây dựng và Vật liệu	UDC
11.15%	33.4	30.05 - 79.00	Bán lẻ	COM
8.56%	90.0	81.00 - 142.50	Y tế	DHG
8.03%	123.7	88.30 - 142.00	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	PDN
7.47%	90.0	44.80 - 64.00	Thực phẩm và đồ uống	BHN

HNX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	CX8	Xây dựng và Vật liệu	4.00 - 12.70	6.3	-25.00%
2	TXM	Xây dựng và Vật liệu	3.40 - 10.40	3.4	-22.73%
3	VMS	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	9.90 - 17.70	9.9	-18.85%
4	TKC	Xây dựng và Vật liệu	3.50 - 12.43	5.3	-17.19%
5	PPY	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	8.20 - 19.17	8.2	-17.17%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
13.70%	8.3	6.10 - 28.40	Xây dựng và Vật liệu	VC9
13.33%	3.4	2.40 - 9.40	Xây dựng và Vật liệu	TTZ
12.20%	23.0	16.00 - 25.00	Thực phẩm và đồ uống	HAT
10.53%	8.4	6.17 - 17.04	Xây dựng và Vật liệu	VTZ
10.00%	9.9	8.20 - 21.70	Công nghệ Thông tin	KST

Upcom

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	SBD	Công nghệ Thông tin	8.00 - 25.00	8.0	-38.46%
2	LG9	Xây dựng và Vật liệu	5.20 - 32.70	5.2	-32.47%
3	CDR	Xây dựng và Vật liệu	5.20 - 16.80	6.2	-26.19%
4	CCM	Xây dựng và Vật liệu	36.10 - 73.40	41.5	-25.76%
5	GTD	Hàng cá nhân & Gia dụng	8.30 - 24.30	8.3	-25.23%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
97.66%	33.8	7.80 - 39.60	Xây dựng và Vật liệu	BMN
35.48%	4.2	3.10 - 12.10	Xây dựng và Vật liệu	L45
31.46%	11.7	6.80 - 17.00	Truyền thông	IBD
30.59%	11.1	8.50 - 21.20	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	CCT
29.69%	8.3	6.40 - 13.10	Công nghệ Thông tin	PMT

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Top 10 cổ phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến so với tuần liền trước

STT	Mã	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá cổ phiếu		
				TB Ngày (Triệu VND)	%1W	Giá	Biến động 52 tuần	%1W
1	DHG	Dược Hậu Giang	Thực phẩm và đồ uống	1,880.8	326.0	90.0	81.00 - 142.50	8.0
2	SMB	Bia Sài Gòn - Miền Trung	Thực phẩm và đồ uống	632.6	218.7	41.5	39.10 - 46.00	-0.1
3	EVG	Tập đoàn Everland	Xây dựng và Vật liệu	1,582.9	147.1	5.1	4.84 - 18.28	-8.3
4	SCS	DV Hàng hóa Sài Gòn	Du lịch và Giải trí	1,735.1	96.4	72.5	70.50 - 98.11	-0.5
5	SBA	Sông Ba JSC	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	623.1	66.8	24.7	18.20 - 27.50	-0.8
6	BAF	Nông nghiệp BAF Việt Nam	Thực phẩm và đồ uống	60,721.4	49.2	25.4	11.91 - 38.70	1.4
7	ACC	Đầu tư và XD Bình Dương ACC	Xây dựng và Vật liệu	3,082.9	28.1	16.0	8.81 - 26.60	0.0
8	GIL	XNK Bình Thạnh	Hàng cá nhân & Gia dụng	33,409.3	22.5	30.1	27.50 - 85.22	-0.7
9	HAG	Hoàng Anh Gia Lai	Thực phẩm và đồ uống	150,761.5	21.3	8.5	5.02 - 16.20	-15.4
10	PVD	Khoan Dầu khí PVDrilling	Dầu khí	265,316.1	16.0	20.0	13.36 - 30.53	-0.7

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

WEEKLY SNAPSHOT
Những dữ liệu vĩ mô khác

Tỷ giá

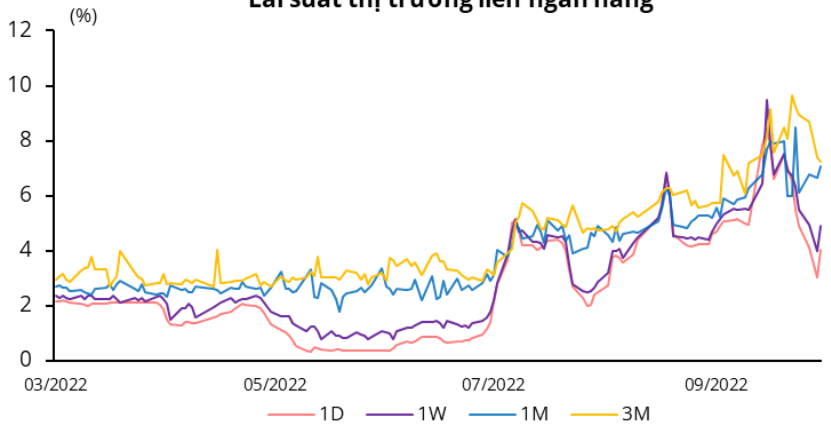
	Giá	%1W	%1M	%3M	%YTD	Trend
Dollar index	112.01	-1.15	1.24	4.77	17.08	
VND/USD	24,669	2.30	4.14	5.35	8.07	
KRW/USD	1,440.15	0.78	3.25	10.12	21.13	
JPY/USD	147.65	-0.69	2.49	7.49	28.30	
EUR/USD	1.01	-1.42	-0.25	3.72	15.32	
SGD/USD	1.42	-0.76	-0.15	1.83	4.91	
CNY/USD	7.23	0.53	2.56	6.85	13.76	

Hàng hóa

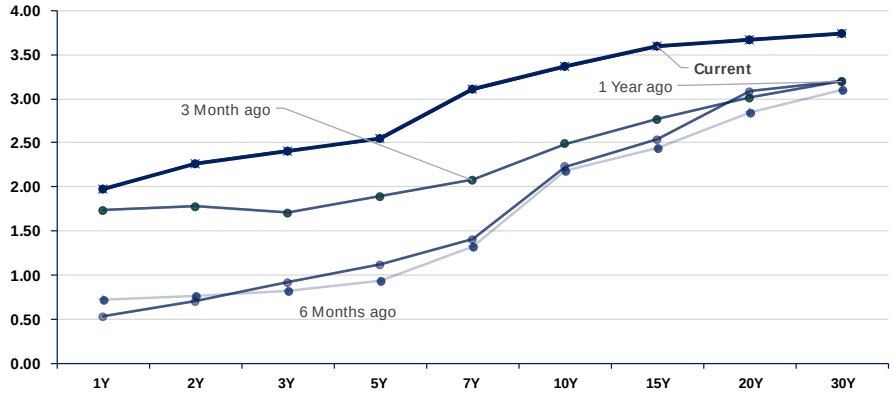
	Giá	%1W	%1M	%3M	%YTD	Trend
Dầu thô	85.05	-0.65	2.54	-11.73	13.08	
Xăng	266.20	1.18	7.06	-15.48	19.45	
Gas	4.96	-23.15	-36.25	-37.48	32.95	
Than	390.00	-0.64	-12.26	-3.32	129.95	
Vàng	1,657.69	0.80	-0.97	-3.56	-9.38	
Bạc	19.42	6.26	-0.75	2.98	-16.68	
Platinum	934.83	3.52	2.63	6.59	-3.50	
Quặng sắt	94.86	-1.12	-3.84	-9.89	-15.68	
Thép cán	3,875.00	-1.95	-1.70	-9.31	-18.40	
Lúa mì	850.75	-1.05	-5.86	5.52	10.38	
Ngô	684.25	-0.80	-0.18	18.84	15.34	
Gỗ	539.00	9.11	8.67	-13.51	-53.04	

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Lãi suất thị trường liên ngân hàng



Đường cong lãi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam



TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	1.98	2.27	2.41	2.54	3.11	3.37	3.59	3.67	3.74
Thay đổi (BPS)	2.50	5.40	10.70	0.20	-3.30	-5.30	-4.30	-0.20	-0.44

Shinhan Securities

Thông báo Tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền ⓒ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.